

Đại hội XIV: bước chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy chính trị về cải cách thể chế đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển trong kỷ nguyên mới

Lê Thương Huyền*

Nhận ngày 12 tháng 9 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 11 năm 2025.

Tóm tắt: Bài viết phân tích quyết tâm chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc cải cách hệ thống thể chế quốc gia thông qua ba trụ cột cơ bản: thể chế tổ chức bộ máy, thể chế xã hội và thể chế thị trường. Dựa trên phương pháp phân tích luật học và chính sách công, nghiên cứu làm rõ những chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy chính trị được thể hiện qua Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV và bộ nghị quyết đột phá, đồng thời đánh giá những thách thức thực thi trong bối cảnh kỷ nguyên phát triển mới. Bên cạnh việc nhấn mạnh tính cấp thiết của cải cách thể chế, nghiên cứu cũng chỉ ra những thách thức trong việc đổi mới tư duy lãnh đạo, cải cách hành chính, cũng như yêu cầu đặt ra đối với năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ.

Từ khóa: Cải cách thể chế, Đại hội XIV, chuyển biến tư duy, nhà nước pháp quyền.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: This study analyzes the political determination of the Communist Party of Vietnam in reforming the national institutional system through three basic pillars: the apparatus organizational, the social, and the market institutional frameworks. Based on jurisprudence analysis and public policy methods, the research clarifies the significant shifts in political thinking reflected in the Draft Document of the Party's 14th Congress and the set of the Party's Resolutions of breakthroughs, while also assessing the challenges in the implementation in the context of a new development era. In addition to emphasizing the urgency of institutional reform, the study also points out the challenges in renovating leadership thinking, administrative reform, as well as the demands placed on the implementation capacity of the cadres.

Keywords: Institutional reform, the 14th Congress, transformation in thinking, rule of law state.

Subject classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam, dự kiến tổ chức năm 2026, được định vị như một dấu mốc quan trọng trong tiến trình phát triển quốc gia khi tư tưởng về “kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” đã được khẳng định và chuẩn bị thể chế hóa toàn diện. Trong bối cảnh này, cải cách thể chế được xác định là vấn đề trọng tâm và cốt lõi của toàn bộ quá trình đổi mới đất nước sau 40 năm thực hiện chính sách Đổi mới.

Từ góc độ lý thuyết pháp lý, việc nghiên cứu quyết tâm chính trị trong cải cách thể chế có ý nghĩa quan trọng trong việc hiểu rõ động lực và phương hướng phát triển của hệ thống pháp luật quốc gia. Theo quan điểm của Douglass North, thể chế chính là “những quy tắc của trò chơi trong xã hội” và chất lượng thể chế có tác động quyết định đến hiệu quả phát triển kinh tế và xã hội của một quốc gia. Nghiên cứu này tập trung phân tích ba trụ cột thể chế

* Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: huyenle1986@gmail.com

cơ bản: thể chế tổ chức bộ máy, thể chế xã hội và thể chế thị trường, thông qua lăng kính pháp lý để làm rõ những chuyển biến trong tư duy chính trị của Đảng.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết về cải cách thể chế

Cải cách thể chế là quá trình thay đổi có hệ thống các quy tắc, chuẩn mực và cơ chế điều chỉnh hoạt động của xã hội. Đối với các quốc gia xã hội chủ nghĩa như Việt Nam, thể chế không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn thể hiện bản chất chính trị của chế độ và định hướng phát triển dài hạn.

Mô hình ba trụ cột thể chế được xây dựng dựa trên lý thuyết về phát triển bền vững, trong đó thể chế tổ chức bộ máy đóng vai trò nền tảng quản trị, thể chế xã hội đảm bảo tính bền vững xã hội và thể chế thị trường tạo động lực phát triển kinh tế. Sự tương tác và đồng bộ giữa ba trụ cột này quyết định đến hiệu quả tổng thể của hệ thống thể chế quốc gia.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích lý luận và lịch sử, phân tích tài liệu, phân tích hệ thống kết hợp với phương pháp so sánh luật học. Nguồn tài liệu chính bao gồm Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV, bộ nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị và các tài liệu chính sách liên quan. Phương pháp phân tích được áp dụng nhằm làm rõ những chuyển biến trong tư duy chính trị và đánh giá tính khả thi của các cam kết cải cách.

3. Quyết tâm chính trị và thay đổi tư duy chính trị của Đảng thể hiện qua “đột phá của đột phá”

3.1. Chuyển đổi từ cải cách tiến hóa sang đột phá cách mạng

Một biểu hiện rõ nét của quyết tâm chính trị trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV là việc thay thế cụm từ “sáng tạo” trong phương châm Đại hội XIII bằng “đột phá”, nhấn mạnh sự quyết tâm thực hiện các cải cách mang tính cách mạng để vượt qua các rào cản thể chế và tư duy cũ. Từ góc độ lý thuyết chính sách công, việc chuyển từ “sáng tạo” sang “đột phá” phản ánh sự thay đổi từ mô hình cải cách tiến hóa sang mô hình cải cách cách mạng.

Cải cách thể chế được định vị là “đột phá của đột phá”, chìa khóa then chốt để tháo gỡ các điểm nghẽn và giải phóng mọi nguồn lực sáng tạo của đất nước. Cuộc cải cách này được khởi động với quy mô chưa từng có, từ trung ương đến địa phương, theo phương châm “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” (Tô Lâm, 2025). Sự thay đổi này không chỉ đơn thuần là việc điều chỉnh thuật ngữ mà phản ánh một triết lý quản trị hoàn toàn mới. Từ góc độ lý thuyết chính trị học, việc chuyển từ “sáng tạo” sang “đột phá” thể hiện sự chuyển biến từ mô hình cải cách tiến hóa sang mô hình cải cách cách mạng.

3.2. Tầm nhìn chiến lược dài hạn và định hướng phát triển bền vững của Đảng

Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV thể hiện quyết tâm chính trị thông qua việc xác định rõ mục tiêu phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045, với trọng tâm là phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Việc thiết lập tầm nhìn dài hạn như vậy phản ánh sự trưởng thành trong tư duy chiến lược của Đảng, chuyển từ quản lý phản ứng sang quản trị chủ động. Mô hình phát triển “ba trụ cột” (kinh tế - xã hội - môi trường) được đề cập trong dự thảo phản ánh sự tiếp thu các chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững, đồng thời thể hiện quyết tâm xây dựng mô hình phát triển có đặc trưng Việt Nam. Việc xác định rõ các mục tiêu phát triển quốc gia trong văn kiện đại hội Đảng tạo căn cứ cho việc thể chế hóa các mục tiêu này vào hệ thống pháp luật.

3.3. Hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo chuẩn mực hiện đại

Cam kết thượng tôn pháp luật được thể hiện qua việc nhấn mạnh xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó pháp luật là công cụ chủ đạo để quản lý xã hội, đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân và kiểm soát quyền lực nhà nước. Đây là sự phát triển quan trọng trong lý thuyết nhà nước pháp quyền Việt Nam, khi không chỉ nhấn mạnh vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội mà còn đặc biệt chú trọng đến chức năng kiểm soát quyền lực. Một nhà nước pháp quyền hoàn chỉnh phải đảm bảo không chỉ rule by law (cai trị bằng pháp luật) mà còn rule of law (cai trị của pháp luật), nghĩa là chính quyền lực nhà nước cũng phải chịu sự ràng buộc của pháp luật (Raz, 1979: 210-229).

Sự quyết tâm chính trị được thể hiện qua cam kết xây dựng cơ chế giám sát quyền lực chặt chẽ, nhằm ngăn chặn tham nhũng và lạm quyền. Cam kết mạnh mẽ trong phòng chống tham nhũng với các biện pháp cứng rắn nhằm làm trong sạch tổ chức và củng cố niềm tin của nhân dân thể hiện quyết tâm chính trị cao trong việc tự thanh lọc trong hệ thống. Quyết tâm chính trị được thể hiện qua việc “xây dựng lại toàn bộ hệ thống thể chế, xây dựng lại hệ thống pháp luật để tương thích với thời kỳ kỷ nguyên mới”. Đây không chỉ là việc điều chỉnh tổ chức, bộ máy mà còn là cuộc cách mạng toàn diện trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Ba trụ cột thể chế trong chiến lược cải cách toàn diện

4.1. Thể chế tổ chức bộ máy: nền tảng quản trị hiện đại

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” đã tạo nền móng cho cơ sở pháp lý trực tiếp cho cuộc cải cách thể chế hiện tại. Tinh thần đổi mới toàn bộ hệ thống bộ máy dẫn đến cải cách toàn bộ thể chế, không chỉ thể chế về bộ máy, kéo theo toàn bộ thể chế về hệ thống pháp luật. Một trong những bài học kinh nghiệm được xác định tại Dự thảo Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XIV đã chỉ ra rằng việc tổ chức triển khai các chủ trương, quyết sách của Đảng phải được thực hiện một cách quyết liệt, toàn diện và hiệu quả thông qua việc áp dụng những phương thức tư duy và phương pháp làm việc đổi mới.

Trong hệ thống ba trụ cột thể chế, đổi mới thể chế về tổ chức bộ máy được xác định là trụ cột đầu tiên, có vai trò quyết định trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển của đất nước. Đổi mới thể chế về tổ chức bộ máy được dự kiến đưa vào dự thảo văn kiện Đại hội XIV không chỉ là một nhiệm vụ thường xuyên mà thực sự là “một bước đột phá chiến lược” có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Trải qua 40 năm Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, nhưng như Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhận định, “những động lực, nguồn lực phát triển của 40 năm qua đã đến ngưỡng” (Tô Lâm, 2024). Trong bối cảnh này, bộ máy nhà nước với những hạn chế về cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động đã trở thành điểm nghẽn lớn nhất cản trở sự phát triển. Bộ máy truyền thống với cấu trúc phân cấp rõ ràng, quy trình hành chính phức tạp không còn phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên số.

Đổi mới thể chế về tổ chức bộ máy trong Đại hội XIV còn thể hiện “tầm nhìn chiến lược” hướng tới các mục tiêu lớn của đất nước. Mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước có thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển đòi hỏi một bộ máy quản lý hiện đại, chuyên nghiệp, có năng lực cạnh tranh quốc tế. Bộ máy mới phải có khả năng “kiến tạo phát triển” thay vì chỉ quản lý hành chính, phải tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân thay vì gây cản trở.

Đây chính là chuyển đổi căn bản từ tư duy “quản lý” sang tư duy “phục vụ”, từ “kiểm soát” sang “hỗ trợ”. Việc thể chế hóa tư tưởng đổi mới bộ máy vào văn kiện Đại hội XIV thể hiện “tính hệ thống và bền vững” của quá trình cải cách. Khác với những điều chỉnh cục bộ trước đây, lần này Đảng đặt ra mục tiêu xây dựng “mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị” hoàn toàn mới, phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Trong thực hiện cải cách thể chế tổ chức bộ máy, Đảng đã đề ra việc tái cấu trúc toàn diện bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả với việc giảm tối đa các đầu mối trung gian, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số hiệu quả. Đồng thời, cải cách chế độ công vụ được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để có đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu mới thông qua việc tinh giản biên chế nhưng nâng cao chất lượng, cải cách chế độ tiền lương, đãi ngộ và đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng mới.

Một trong những nội dung đột phá nhất trong cải cách thể chế tổ chức bộ máy là việc đổi mới mô hình chính quyền địa phương theo hướng 2 cấp. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã “giao Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng ủy Chính phủ: Chỉ đạo hoàn thiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2025a: điều 2). Mô hình chính quyền địa phương 2 cấp thể hiện nguyên tắc phân cấp và phân quyền rõ ràng, giảm thiểu các khâu trung gian, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Thay vì mô hình truyền thống với nhiều cấp trung gian, mô hình mới sẽ tập trung vào hai cấp chính: cấp tỉnh và cấp cơ sở, tạo ra sự thống nhất và hiệu quả trong quản lý. Điều này phù hợp với xu thế hiện đại hóa quản lý công và đáp ứng yêu cầu “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2025b). Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đã cung cấp khung pháp lý cho việc cải cách này. Nghị quyết nhấn mạnh việc “có cơ chế điều động, luân chuyển cán bộ, công chức của Bộ, ngành Tư pháp đi địa phương và làm việc ở Bộ, ngành Trung ương” (Bộ Chính trị, 2025a: điều 5) đảm bảo tính thống nhất và chuyên nghiệp trong hệ thống quản lý từ trung ương đến địa phương.

Cải cách thể chế tổ chức bộ máy không thể bỏ qua việc sắp xếp lại toàn bộ cơ cấu của hệ thống tư pháp, đặc biệt là Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. Nghị quyết số 66-NQ/TW đã đề ra những định hướng cụ thể cho việc cải cách này, khẳng định rằng “các cấp ủy địa phương quan tâm phân công cấp ủy viên phụ trách công tác tư pháp và cơ cấu giám đốc sở tư pháp tham gia cấp ủy cấp tỉnh” (Bộ Chính trị, 2025a: điều 4).

Trong bối cảnh chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, việc sắp xếp lại cơ cấu tư pháp trở thành yêu cầu cấp thiết. Tòa án nhân dân cần được tổ chức lại theo hướng tập trung chuyên môn, giảm thiểu các cấp trung gian nhưng vẫn đảm bảo tiếp cận công lý cho người dân. Đồng thời, Viện kiểm sát nhân dân cũng cần được cơ cấu lại để phù hợp với mô hình mới, tăng cường vai trò giám sát và bảo đảm thi hành pháp luật thống nhất. Trong thực hiện cải cách thể chế tổ chức bộ máy, việc đổi mới căn bản chế độ công vụ được xác định là nhiệm vụ then chốt. Nghị quyết số 60-NQ/TW đã đặt ra yêu cầu về việc “tinh giản biên chế nhưng nâng cao chất lượng, cải cách chế độ tiền lương, đãi ngộ và đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng mới” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2025a: điều 3) cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Nghị quyết số 57-NQ/TW đã cụ thể hóa việc cải cách này thông qua việc “tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ; hoàn thiện cơ chế thu hút, sử dụng và đãi ngộ nhân tài” (Bộ Chính trị, 2025b: điều 6). Điều này thể hiện sự chuyển biến từ quan niệm về số lượng sang chất lượng trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Việc thể chế hóa tư tưởng đổi mới bộ máy vào văn kiện Đại hội XIV thể hiện “tính hệ thống và bền vững” của quá trình cải cách. Khác với những điều chỉnh cục bộ trước đây, lần này Đảng đặt ra mục tiêu xây dựng “mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị”

hoàn toàn mới, phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2025b). Đây là một cuộc cách mạng thể chế toàn diện, có tính quyết định đối với tương lai phát triển của đất nước trong kỷ nguyên vươn mình. Bộ máy mới phải có khả năng "kiến tạo phát triển" thay vì chỉ quản lý hành chính, phải tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân thay vì gây cản trở.

4.2. Thể chế xã hội: Hướng tới hội nhập và phát triển bền vững

Thể chế xã hội được xác định là trụ cột thứ hai trong hệ thống ba trụ cột thể chế, có vai trò đảm bảo sự phát triển toàn diện của con người và xã hội. Trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV, cải cách thể chế xã hội được đặt trong bối cảnh của việc xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

Quyết tâm chính trị của Đảng trong cải cách thể chế xã hội được thể hiện qua việc nhấn mạnh rằng "rất nhiều tổ chức chính trị - xã hội thay đổi" (Bộ Chính trị, 2025c: điều 4). Điều này cho thấy sự thay đổi không chỉ dừng lại ở cấp độ nhà nước mà mở rộng ra toàn bộ hệ thống các tổ chức xã hội, tạo ra một sự chuyển biến toàn diện trong cách thức tổ chức và vận hành của xã hội. Điều này thể hiện tính chất toàn diện của cuộc cải cách. Cải cách thể chế về xã hội trong định hướng của Đại hội XIV hướng tới việc tăng cường tham gia của người dân vào quản lý xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo người dân được hưởng lợi trực tiếp từ dịch vụ công hiệu quả hơn (Bộ Chính trị, 2025b: điều 4). Điều này thể hiện sự chuyển biến từ mô hình quản lý xã hội truyền thống sang mô hình quản trị xã hội hiện đại, trong đó người dân không chỉ là đối tượng được quản lý mà còn là chủ thể tích cực tham gia vào quá trình phát triển xã hội.

Việc "lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, làm chủ thể sáng tạo" đòi hỏi các tổ chức xã hội phải thay đổi cách thức hoạt động, từ mô hình hoạt động theo chỉ đạo từ trên xuống sang mô hình tương tác, hợp tác và phối hợp. Điều này dẫn đến sự ra đời của nhiều hình thức tổ chức xã hội mới, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Dựa trên Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế, việc đổi mới xã hội được thể hiện qua chính sách mở rộng không gian hoạt động cho các tổ chức xã hội. Điều này bao gồm việc cho phép thành lập các hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, môi trường và phát triển cộng đồng. Chính sách mới nhấn mạnh nguyên tắc "lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, làm chủ thể sáng tạo", tạo điều kiện cho sự ra đời của các mô hình tổ chức xã hội mới như: câu lạc bộ doanh nhân, hiệp hội khởi nghiệp, các tổ chức hỗ trợ phát triển kinh tế số và đổi mới sáng tạo.

Việc nhập các tổ chức mới vào Mặt trận Tổ quốc thể hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc trong kỷ nguyên mới, tập hợp mọi lực lượng xã hội vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Điều này phù hợp với tinh thần "đoàn kết - dân chủ - kỷ cương - sáng tạo - phát triển" của Đại hội XIV. Sự tham gia của các tổ chức xã hội đa dạng vào Mặt trận Tổ quốc giúp nâng cao hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, từ giảm nghèo, bảo vệ môi trường đến phát triển kinh tế địa phương. Các tổ chức này đóng vai trò cầu nối giữa nhà nước và người dân. Việc có một hệ thống tổ chức xã hội đa dạng và phát triển giúp Việt Nam đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về quản trị và phát triển theo chuẩn mực quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hội nhập sâu rộng vào cộng đồng quốc tế. Việc mở rộng các tổ chức tham gia Mặt trận Tổ quốc đặt ra thách thức về quản lý và điều phối hoạt động. Cần có cơ chế phù hợp để đảm bảo các tổ chức này hoạt động đúng pháp luật và phù hợp với mục tiêu chung của đất nước.

4.3. Thể chế thị trường: động lực tăng trưởng và cạnh tranh

Thể chế thị trường được xác định là trụ cột thứ ba trong hệ thống cải cách thể chế toàn diện, có vai trò quyết định trong việc tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV, xác định cải cách về kinh tế thị trường" được

đặt ra như một nhiệm vụ trọng tâm nhằm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cải cách thể chế về thị trường, do đó, được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi dậy nguồn lực mới, và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn 2026-2030, hướng tới tầm nhìn 2045. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân đã khẳng định rằng “kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế”, đòi hỏi việc xây dựng thể chế thị trường hoàn chỉnh, minh bạch và hiệu quả.

Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIV nhấn mạnh việc “hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” như một nhiệm vụ trọng tâm. Dự thảo Báo cáo chính trị thay thế cụm từ “sáng tạo” trong phương châm Đại hội XIII bằng “đột phá,” nhấn mạnh sự cần thiết của những thay đổi mang tính cách mạng trong thể chế để vượt qua các rào cản hiện tại. Điều này bao gồm việc cải cách mạnh mẽ cơ chế quản lý, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, và thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển xanh, và ứng dụng khoa học công nghệ.

Việc cải cách thể chế thị trường được quy định trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV mang lại những tác động pháp lý và kinh tế - xã hội có ý nghĩa then chốt đối với quá trình phát triển quốc gia.

Về mặt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, việc thiết lập khung pháp lý minh bạch và đồng bộ tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực xã hội, đồng thời nâng cao năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế quốc dân theo các chuẩn mực quốc tế về quản trị kinh tế hiện đại. Trong phạm vi khơi dậy tiềm năng sáng tạo và đổi mới, các quy định pháp luật khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân và đổi mới sáng tạo được thể chế hóa nhằm tạo ra các động lực pháp lý mới cho quá trình phát triển, đặc biệt tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, kinh tế số và các ngành có hàm lượng tri thức cao, phù hợp với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Về khía cạnh tăng cường hội nhập quốc tế, việc hoàn thiện thể chế thị trường theo hướng hiện đại và hội nhập tạo ra khuôn khổ pháp lý tương thích với các cam kết quốc tế, cho phép Việt Nam tận dụng tối đa các cơ hội từ các hiệp định thương mại song phương và đa phương, đồng thời giảm thiểu các rủi ro pháp lý có thể dẫn đến tình trạng tụt hậu về mặt kinh tế so với khu vực và thế giới.

Cuối cùng, trong việc đảm bảo công bằng xã hội, định hướng xã hội chủ nghĩa được thể chế hóa trong quá trình cải cách nhằm bảo đảm rằng sự phát triển kinh tế phải gắn liền với các mục tiêu xã hội về công bằng, giảm thiểu sự phân hóa giàu nghèo, và nâng cao mức sống cũng như chất lượng cuộc sống của nhân dân, phù hợp với bản chất và mục tiêu của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. Thách thức trong thực hiện quyết tâm chính trị

Mặc dù Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong cải cách thể chế, việc triển khai các cam kết này trong thực tiễn đối mặt với những thách thức đáng kể từ góc độ pháp lý và thể chế.

Thách thức đầu tiên và có tính căn bản nhất là sự tồn tại của tư duy bảo thủ và lợi ích nhóm, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, tài chính và chống tham nhũng. Điều này đòi hỏi không chỉ quyết tâm chính trị từ cấp lãnh đạo cao nhất mà còn cần có các cơ chế pháp lý mạnh mẽ để vượt qua sức cản này.

Thách thức thứ hai liên quan đến năng lực thực thi pháp luật và chính sách, khi năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức đặc biệt ở cấp địa phương, còn chưa đồng đều, ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai các chính sách mới. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam, nơi mà sự thành công của cải cách thể chế phụ thuộc rất nhiều vào khả năng triển khai

thống nhất từ trung ương đến địa phương. Bên cạnh đó, sức ép từ hội nhập quốc tế tạo ra một thách thức kép: một mặt đòi hỏi sự thay đổi nhanh chóng trong thể chế và năng lực cạnh tranh để đáp ứng các cam kết quốc tế, mặt khác phải đối mặt với thực tế là nhiều doanh nghiệp Việt Nam còn yếu về năng lực cạnh tranh.

Thách thức về nguồn lực tài chính và nhân lực để thực hiện các mục tiêu về chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc tối ưu hóa phân bổ nguồn lực và tăng cường hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Điều này không chỉ đòi hỏi sự cải cách trong quản lý tài chính công mà còn cần có những đổi mới trong cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực xã hội, bao gồm cả việc tạo lập khung pháp lý thuận lợi cho sự tham gia của khu vực tư nhân và nguồn vốn quốc tế vào các dự án phát triển chiến lược. Những thách thức này đòi hỏi một cách tiếp cận đồng bộ và có hệ thống, trong đó việc hoàn thiện thể chế pháp lý phải đi đôi với việc nâng cao năng lực thực thi và tạo ra sự đồng thuận xã hội rộng rãi.

6. Kết luận

Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu một bước chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy chính trị về cải cách thể chế. Đại hội XIV cần “thể chế hóa đầy đủ tư tưởng về kỷ nguyên mới” vào các văn kiện Đảng, tạo cơ sở lý luận vững chắc cho việc triển khai thực hiện. Điều này đòi hỏi việc xây dựng một hệ thống văn bản pháp luật đồng bộ, khoa học, phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Những mục tiêu tham vọng của Đại hội XIV này thể hiện quyết tâm chính trị cao và tầm nhìn chiến lược xa của Đảng. Đảng cần “đổi mới căn bản phương thức lãnh đạo” để phù hợp với yêu cầu mới thông qua việc tăng cường lãnh đạo chiến lược, giảm can thiệp hành chính, nâng cao năng lực dự báo, định hướng và hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát. Đây là sự chuyển biến căn bản trong phương thức lãnh đạo của Đảng, từ can thiệp trực tiếp sang định hướng chiến lược. Như vậy, đổi mới thể chế về tổ chức bộ máy trong dự thảo văn kiện Đại hội XIV không chỉ là một nhiệm vụ kỹ thuật mà là “một cuộc cách mạng thể chế” có tính quyết định, mở ra chương mới cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên vươn mình. Thành công của nhiệm vụ này sẽ tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược, đưa Việt Nam sánh vai với các cường quốc năm châu.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2017). *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*.
- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025a). *Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*.
- Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2025b). *Dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam*.
- Bộ Chính trị. (2025a). *Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.
- Bộ Chính trị. (2025b). *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ*.
- Bộ Chính trị. (2025c). *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2025). *Những điểm mới trong các dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng*.
- Nguyễn Trọng Nghĩa. (2025). *Kết luận Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết 66 và Nghị quyết 68. Xây dựng chính sách Chính phủ*.
- Raz, Joseph. (1979). *The Rule of Law and Its Virtue*. Trong *The Authority of Law: Essays on Law and Morality*, Oxford University Press. pp. 210-229.
- Tô Lâm. (2024). Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Tô Lâm. (2025). Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả. *Tạp chí Cộng sản điện tử*.
- Trần Thanh Mẫn. (2025). *Chuyên đề về Nghị quyết 66-NQ/TW*. Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW.